

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN
THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 1700460163 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-TTLK-1 ngày 15 tháng 01 năm 2008, với mã chứng khoán là NGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 06 tháng 03 năm 2008.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Hoạt động chính của Công ty như sau: chế biến, gia công, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; chế biến sản phẩm từ ngũ cốc; xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 VND.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Búp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Huỳnh Châu Sang	Giám đốc
Ông Võ Thế Trọng	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

HUYỀN CHÂU SANG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2014, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Cơ sở công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

HOÀNG LAN HƯƠNG
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2207-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.307.390.895	55.592.545.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	350.344.818	2.179.118.172
Tiền	111		350.344.818	2.179.118.172
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		19.364.483.572	21.183.322.532
Phải thu khách hàng	131	4.2	13.989.405.840	16.675.531.494
Trả trước cho người bán	132	4.3	3.326.944.035	3.313.797.935
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	2.197.652.593	1.343.511.999
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(149.518.896)	(149.518.896)
Hàng tồn kho	140	4.5	38.770.700.104	29.469.151.597
Hàng tồn kho	141		38.770.700.104	29.469.151.597
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.821.862.401	2.760.953.416
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	459.918.065	284.246.757
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	1.964.844.307	2.136.424.558
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	397.100.029	340.282.101

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.064.070.883	51.752.289.077
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		47.114.924.503	49.624.361.579
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	42.965.387.987	45.430.233.248
Nguyên giá	222		56.175.844.947	57.728.648.300
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.210.456.960)	(12.298.415.052)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.149.536.516	4.194.128.331
Nguyên giá	228		4.459.181.484	4.459.181.484
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309.644.968)	(265.053.153)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.530.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		949.146.380	597.927.498
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	612.546.380	597.927.498
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		336.600.000	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.371.461.778	107.344.834.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		92.090.873.667	90.444.817.518
Nợ ngắn hạn	310		84.085.356.487	82.462.354.358
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	62.190.760.371	64.095.112.433
Phải trả cho người bán	312	4.12	19.235.067.222	16.843.552.338
Người mua trả tiền trước	313	4.13	145.052.673	50.012.358
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	1.191.006.402	558.809.806
Phải trả công nhân viên	315		174.137.031	238.456.092
Chi phí phải trả	316	4.15	458.230.745	526.582.971
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.16	691.102.043	149.828.360
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		8.005.517.180	7.982.463.160
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.17	8.005.517.180	7.982.463.160
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.280.588.111	16.900.017.276
Vốn chủ sở hữu	410	4.18	17.280.588.111	16.900.017.276
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.495.737.701	2.254.922.027
Quỹ dự phòng tài chính	418		445.561.886	325.154.049
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.339.288.524	2.319.941.200
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.371.461.778	107.344.834.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		1.941,53	25.129,36
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGUYỄN KIM BÚP

Người lập biểu

NGUYỄN KIM BÚP

Kế toán trưởng

HUỲNH CHÂU SANG

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		101.679.832.160	76.934.246.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		632.718.340	3.635.998.854
Doanh thu thuần	10	5.1	101.047.113.820	73.298.247.665
Giá vốn hàng bán	11	5.2	90.494.237.076	66.000.349.192
Lợi nhuận gộp	20		10.552.876.744	7.297.898.473
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	200.879.020	223.114.984
Chi phí tài chính	22	5.4	3.281.924.355	3.757.352.963
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.102.645.137</i>	<i>3.510.378.700</i>
Chi phí bán hàng	24		3.461.206.987	3.609.897.308
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.398.308.347	2.304.865.533
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.612.316.075	(2.151.102.347)
Thu nhập khác	31	5.5	5.000.000.000	6.181.818.180
Chi phí khác	32	5.6	3.383.682.090	2.627.361.751
Lợi nhuận khác	40		1.616.317.910	3.554.456.429
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.228.633.985	1.403.354.082
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	1.021.031.802	350.838.521
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(336.600.000)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.544.202.183	1.052.515.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	59	2.120	877

NGUYỄN KIM BÚP

Người lập biểu

NGUYỄN KIM BÚP

Kế toán trưởng

HUỲNH CHÂU SANG

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.228.633.985	1.403.354.082
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.402.647.940	1.400.521.571
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	16.359.675
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	111.055.020	95.104.846
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.134.083.074)	548.274.482
Chi phí lãi vay	06	3.102.645.137	3.510.378.700
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.710.899.008	6.973.993.356
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.951.520.734	3.499.216.361
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(9.301.548.507)	1.479.431.595
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	3.063.096.000	(1.665.564.423)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(190.290.190)	1.297.431.334
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.102.645.137)	(3.510.378.700)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(489.984.018)	(101.881.872)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.000.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.215.771.442)	(1.048.089.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.425.276.448	6.924.158.131
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(234.340.909)	(1.625.491.548)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	1.100.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.213.119	4.873.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(229.127.790)	(520.618.515)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	143.079.028.210	117.222.529.100
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.098.044.739)	(122.846.907.437)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.014.650.000)	(544.763.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.033.666.529)	(6.169.141.437)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(1.837.517.871)	234.398.179
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	2.179.118.172	845.578.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.744.517	6.900.228
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	350.344.818	1.086.876.487

NGUYỄN KIM BÚP
Người lập biểu

NGUYỄN KIM BÚP
Kế toán trưởng

HUYNH CHÂU SANG
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ tư, số 1700460163 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-TTLK-1 ngày 15 tháng 01 năm 2008, với mã chứng khoán là NGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 06 tháng 03 năm 2008.

Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế biến, gia công, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; chế biến sản phẩm từ ngũ cốc; xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 132 người (31/12/2013 là 145 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và pháp luật hiện hành liên quan.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Đầu tư

Đầu tư dài hạn khác được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 35
Máy móc thiết bị	07 - 20
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định vô hình khác	50

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

3.7 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được chuyển vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo pháp đường thẳng và thời gian phân bổ từ 18 tháng đến 36 tháng.

3.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.9 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào bảng lương thực chi cho nhân viên Công ty.

3.10 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

3.12 Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Các ưu đãi về thuế:

- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% từ năm 2005 đến năm 2015.
- Theo Quyết định số 645/QĐ-CT ngày 19 tháng 06 năm 2009 về miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất 11 năm theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 (nay thay thế bằng Nghị định 46 /2014/NĐ-CP) của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Thời hạn miễn bắt đầu từ tháng 01 năm 2009.

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

3.15 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo Điều lệ công ty, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư và phát triển với tỷ lệ theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm nhằm mục đích đầu tư mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh thì sẽ tăng vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính

Theo điều lệ công ty, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm nhằm mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ xảy ra trong quá trình kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGỒ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các quỹ khác

Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để dùng khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Công ty sau đây được xem là bên có liên quan :

Tên Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Du Lịch - Thương Mại Kiên Giang	Kiên Giang	Cổ đông lớn của Công ty
Công ty TNHH Kiên Hùng I	Kiên Giang	Công ty là cổ đông lớn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	254.573.379	5.435.384
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	54.521.692	218.217.249
- USD	41.249.747	1.955.465.539
	350.344.818	2.179.118.172

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2014:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	1.941,41	41.249.747

4.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại – Bên liên quan	-	-
Phải thu thương mại – Bên thứ ba (*)	13.989.405.840	16.675.531.494
	13.989.405.840	16.675.531.494

(*) Chi tiết số dư khoản phải thu thương mại – bên thứ ba

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng trong nước	1.043.812.241	654.553.862
Phải thu khách hàng nước ngoài	12.945.593.599	16.020.977.632
	13.989.405.840	16.675.531.494

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, khoản phải thu thương mại có gốc ngoại tệ là 609.319,10 USD tương đương 12.945.593.599 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba (i)	3.326.944.035	3.313.797.935
	3.326.944.035	3.313.797.935

(i) Chi tiết số dư khoản trả trước cho người bán – bên thứ ba

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước tiền thuê xây dựng tài sản cố định (*)	3.098.355.902	3.098.355.902
Các khoản trả trước cho người bán khác	228.588.133	215.442.033
	3.326.944.035	3.313.797.935

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê xây dựng hệ thống xử lý nước thải 500 m³/ngày, đêm. Hiện nay, công trình đã hoàn tất và đưa vào sử dụng nên Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định vào đầu tháng 7 năm 2014.

4.4 Phải thu khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí di dời nhà máy (*)	1.098.645.131	1.098.645.131
Phải thu khác	1.099.007.462	244.866.868
	2.197.652.593	1.343.511.999

(*) Đây là khoản chi phí di dời một số tài sản từ nhà máy cũ tại số 326 – 328 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến nhà máy mới tại Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư thực hiện Giai đoạn II của Dự án xây dựng chợ Bắc Sơn. Theo văn bản số 22 của UBND tỉnh Kiên Giang thì Công ty sẽ nhận được tiền hỗ trợ di dời, bồi thường tài sản và hỗ trợ ổn định sản xuất khoảng hơn 17 tỷ VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty đã nhận được 10 tỷ VND và dự kiến sẽ nhận được hết số tiền còn lại trong năm 2014 và dùng nguồn thu này bù đắp cho khoản chi phí nêu trên.

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên vật liệu	2.760.716.665	3.793.146.572
Công cụ dụng cụ	1.510.917.736	1.475.601.479
Thành phẩm	33.797.669.611	23.499.007.454
Hàng hóa	701.396.092	701.396.092
Giá gốc hàng tồn kho	38.770.700.104	29.469.151.597
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	38.770.700.104	29.469.151.597

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	156.767.439	235.390.316
Chi phí bảo hiểm	41.081.811	33.649.102
Chi phí khác chờ phân bổ	262.068.815	15.207.339
	459.918.065	284.246.757

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng cho nhân viên Công ty	397.100.029	340.282.101

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2014	18.649.807.412	38.066.852.620	762.605.575	249.382.693	57.728.648.300
Đầu tư XD/CB hoàn thành	234.340.909	-	-	-	234.340.909
Thanh lý, nhượng bán	(1.390.873.159)	(396.271.103)	-	-	(1.787.144.262)
Vào ngày 30/06/2014	17.493.275.162	37.670.581.517	762.605.575	249.382.693	56.175.844.947
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2014	3.024.084.823	8.800.631.818	378.859.563	94.838.848	12.298.415.052
Khấu hao trong kỳ	277.206.298	1.046.610.694	26.607.477	7.631.656	1.358.056.125
Thanh lý, nhượng bán	(349.412.873)	(96.601.344)	-	-	(446.014.217)
Vào ngày 30/06/2014	2.951.878.248	9.750.641.168	405.467.040	102.470.504	13.210.456.960
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2014	15.625.722.589	29.266.220.802	383.746.012	154.543.845	45.430.233.248
Vào ngày 30/06/2014	14.541.396.914	27.919.940.349	357.138.535	146.912.189	42.965.387.987

Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng có nguyên giá tại ngày 30/06/2014 là: 2.074.659.484 VND (31/12/2013 là: 1.927.106.293 VND).

Tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2014 là 42.965.387.987 VND (31/12/2013 là: 45.430.233.248 VND).

Tài sản cố định hữu hình ngưng khấu hao chờ thanh lý có nguyên giá tại ngày 30/06/2014 là: 3.482.282.337 VND (31/12/2013 là: 5.269.426.598 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Tài sản vô hình khác VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2014	4.459.181.484
Mua trong kỳ	-
Vào ngày 30/06/2014	4.459.181.484
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2014	265.053.153
Khấu hao trong kỳ	44.591.815
Vào ngày 30/06/2014	309.644.968
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2014	4.194.128.331
Vào ngày 30/06/2014	4.149.536.516

Đây là giá trị mua lại tài sản trên đất của Công ty TNHH Kiên Hùng I để được quyền thuê đất 50 năm và cải tạo xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu. Công ty đã hạch toán khoản này vào tài sản cố định vô hình theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/BB-HĐQT-12 ngày 13 tháng 02 năm 2012.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 45	95.803.871	127.738.494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	516.742.509	470.189.004
	612.546.380	597.927.498

4.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	58.159.484.291	56.015.496.433
Nợ vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 4.17)	4.031.276.080	8.079.616.000
	62.190.760.371	64.095.112.433

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Mục đích vay	30/06/2014 USD	30/06/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang – VND	20 tỷ VND	9%	Bổ sung vốn kinh doanh		14.101.179.512
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang – VND	15 tỷ VND	8%	Bổ sung vốn kinh doanh		14.587.105.467
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang – USD	30 tỷ VND	3,5%	Bổ sung vốn kinh doanh	606.382 #	12.883.191.972
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang – VND	30 tỷ VND	9%	Bổ sung vốn kinh doanh		16.588.007.340
					58.159.484.291

Vay ngắn hạn có gốc VND và vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ (USD) tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang cấp chung một hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND. Các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2014 là 42.965.387.987 VND và toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 38.770.700.104 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.12 Phải trả người bán

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba (*)	19.235.067.222	16.843.552.338
	<u>19.235.067.222</u>	<u>16.843.552.338</u>

(*) Chi tiết số dư khoản phải trả thương mại – bên thứ ba

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả tiền mua nguyên liệu sản xuất	17.359.924.743	15.243.410.551
Phải trả tiền mua công cụ, dụng cụ	1.785.884.425	1.450.392.313
Các khoản phải trả khác	89.258.054	149.749.474
	<u>19.235.067.222</u>	<u>16.843.552.338</u>

4.13 Người mua trả tiền trước

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Người mua trả tiền trước – Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – Bên thứ ba	145.052.673	50.012.358
	<u>145.052.673</u>	<u>50.012.358</u>

4.14 Thuế

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	<u>1.964.844.307</u>	<u>2.136.424.558</u>

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.819.448	469.771.664
Thuế thu nhập cá nhân	177.979.164	89.038.142
Thuế tài nguyên	12.207.790	-
	<u>1.191.006.402</u>	<u>558.809.806</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.15 Chi phí phải trả	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng	405.730.745	421.582.971
Trích trước chi phí khác	52.500.000	105.000.000
	458.230.745	526.582.971

4.16 Phải trả khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	49.726.265	50.006.865
Bảo hiểm xã hội	45.981.676	70.977.835
Bảo hiểm y tế	23.476.226	7.025.187
Bảo hiểm thất nghiệp	11.567.876	4.663.473
Phải trả cổ tức	545.350.000	-
Các khoản phải trả khác	15.000.000	17.155.000
	691.102.043	149.828.360

4.17 Vay và nợ dài hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	8.005.517.180	7.982.463.160

Đây là khoản vay tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang có thời hạn từ 5 – 6 năm với lãi suất vay đến ngày 30/06/2014 từ 7,5%/năm đến 15%/năm, mục đích xây dựng nhà máy sản xuất mới tại khu Cảng cá Tắc Cậu. Khoản vay dài hạn được bảo đảm bằng giá trị tài sản cố định hữu hình hình thành từ nguồn vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.031.276.080	8.079.616.000
Trong năm thứ hai	8.005.517.180	7.982.463.160
	12.036.793.260	16.062.079.160
Trừ: nợ vay dài hạn đến hạn trả	(4.031.276.080)	(8.079.616.000)
Số dư nợ vay dài hạn	8.005.517.180	7.982.463.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2013	12.000.000.000	1.952.202.460	173.794.264	1.866.976.374	15.992.973.098
Lãi trong năm	-	-	-	2.757.382.619	2.757.382.619
Trích lập quỹ	-	302.719.567	151.359.785	(454.079.352)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(605.439.137)	(605.439.137)
Chia cổ tức	-	-	-	(840.000.000)	(840.000.000)
Chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	(394.109.004)	(394.109.004)
Giảm khác	-	-	-	(10.790.300)	(10.790.300)
Số dư ngày 31/12/2013	12.000.000.000	2.254.922.027	325.154.049	2.319.941.200	16.900.017.276
Số dư ngày 01/01/2014	12.000.000.000	2.254.922.027	325.154.049	2.319.941.200	16.900.017.276
Lãi trong kỳ	-	-	-	2.544.202.183	2.544.202.183
Trích lập quỹ (*)	-	240.815.674	120.407.837	(361.223.511)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(481.631.348)	(481.631.348)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(1.560.000.000)	(1.560.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(122.000.000)	(122.000.000)
Số dư ngày 30/06/2014	12.000.000.000	2.495.737.701	445.561.886	2.339.288.524	17.280.588.111

(*) Đây là khoản tạm trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2014 theo điều lệ Công ty.

(**) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông năm 2014 của Công ty vào ngày 19 tháng 04 năm 2014, quyết định phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2013 là 1.560.000.000 VND (tương ứng với tỷ lệ 13% / mệnh giá cổ phiếu).

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	1.200.000	12.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo Nghị của Đại Hội đồng Cổ Đông năm 2014, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông lấy từ nguồn bồi thường và hỗ trợ di dời Nhà máy 326-328 Ngô Quyền và từ nguồn quỹ Đầu tư phát triển. Công ty sẽ lập phương án phát hành 800.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đ/CP thưởng cho Cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, tỷ lệ 3-2 (Cổ đông nắm giữ 3 cổ phiếu được thưởng 2 cổ phiếu mới).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	99.270.107.100	75.499.014.589
- Nội địa	19.571.643.764	8.704.288.618
- Xuất khẩu	79.698.463.336	66.794.725.971
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.409.725.060	1.435.231.930
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(611.606.200)	(3.635.998.854)
Giảm giá hàng bán	(21.112.140)	-
Doanh thu thuần	101.047.113.820	73.298.247.665

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn bán hàng	88.502.224.488	64.740.950.121
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.992.012.588	1.259.399.071
	90.494.237.076	66.000.349.192

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.213.119	4.873.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	195.665.901	218.241.951
	200.879.020	223.114.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	3.102.645.137	3.510.378.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.224.198	96.732.595
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	111.055.020	150.241.668
	3.281.924.355	3.757.352.963

5.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	1.181.818.180
Thu bồi thường và hỗ trợ di dời nhà máy	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	6.181.818.180

5.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.341.130.255	1.734.965.695
Chi phí xử lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	-
Tiền thuê đất những năm trước	429.492.100	-
Chi phí khác	83.059.735	892.396.056
	3.383.682.090	2.627.361.751

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.228.633.985	1.403.354.082
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.561.893.235	-
Các khoản điều chỉnh tăng	1.561.893.235	-
- Chi phí xử lý khoản đầu tư dài hạn	1.530.000.000	-
- Chi phí khác không phục vụ sản xuất kinh doanh	31.893.235	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.790.527.220	1.403.354.082
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	1.644.209.310	-
- Thu nhập khác	3.146.317.910	1.403.354.082
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	20%	20%
- Thu nhập khác	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.021.031.802	350.838.521

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	
Chi phí xử lý khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.530.000.000
Chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN hoãn lại		(1.530.000.000)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		<u>(336.600.000)</u>

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.544.202.183	1.052.515.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.544.202.183	1.052.515.561
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.120</u>	<u>877</u>

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.156.523.551	53.599.919.158
Chi phí nhân công	9.332.935.655	6.120.744.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.402.647.940	1.400.521.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.580.355.397	4.538.966.219
Chi phí bằng tiền khác	1.614.911.684	2.435.405.820
	<u>105.087.374.227</u>	<u>68.095.557.429</u>

6 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau :

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	62.190.760.371	8.005.517.180	70.196.277.551
Phải trả người bán	19.235.067.222	-	19.235.067.222
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.018.580.745	-	1.018.580.745
	82.444.408.338	8.005.517.180	90.449.925.518
Ngày 01 tháng 01 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	64.095.112.433	7.982.463.160	72.077.575.593
Phải trả người bán	16.843.552.338	-	16.843.552.338
Phải trả khác và chi phí phải trả	543.737.971	-	543.737.971
	81.482.402.742	7.982.463.160	89.464.865.902

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng. Và Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2014 và 31/12/2013 (xem tại thuyết minh số 4.5 và 4.8).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính				
<i>Phải thu khách hàng</i>	13.914.717.655	16.600.843.309	13.914.717.655	16.600.843.309
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.159.351.883	1.305.211.289	2.159.351.883	1.305.211.289
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	1.530.000.000	-	1.530.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	350.344.818	2.179.118.172	350.344.818	2.179.118.172
	16.424.414.356	21.615.172.770	16.424.414.356	21.615.172.770
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	70.196.277.551	72.077.575.593	70.196.277.551	72.077.575.593
<i>Phải trả người bán</i>	19.235.067.222	16.843.552.338	19.235.067.222	16.843.552.338
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	1.018.580.745	543.737.971	1.018.580.745	543.737.971
	90.449.925.518	89.464.865.902	90.449.925.518	89.464.865.902

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

7 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và gia công chế biến thủy sản.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu thủy sản.

6 tháng đầu năm 2013	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	66.794.725.971	12.685.339.874	79.480.065.845
Chi phí phân bổ	(58.500.169.701)	(11.110.076.799)	(69.610.246.500)
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.294.556.270	1.575.263.075	9.869.819.345
Chi phí không phân bổ			(4.932.227.284)
Thu nhập hoạt động tài chính			223.114.984
Chi phí hoạt động tài chính			(3.757.352.963)
Lợi nhuận trước thuế			1.403.354.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(350.838.521)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			1.052.515.561
Vào ngày 01/01/2014			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	13.676.753.980	2.986.949.019	16.663.702.999
Tài sản không phân bổ			90.681.131.795
Tổng tài sản			107.344.834.794
Nợ phải trả không phân bổ			90.444.817.518
Tổng nợ phải trả			90.444.817.518
6 tháng đầu năm 2014			
	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	79.698.463.336	26.348.650.484	106.047.113.820
Chi phí phân bổ	(70.611.110.893)	(23.344.333.170)	(93.955.444.063)
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.087.352.443	3.004.317.314	12.091.669.757
Chi phí không phân bổ			(5.781.990.437)
Thu nhập hoạt động tài chính			200.879.020
Chi phí hoạt động tài chính			(3.281.924.355)
Lợi nhuận trước thuế			3.228.633.985
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(1.021.031.802)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			336.600.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN			2.544.202.183
Vào ngày 30/06/2014			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	12.945.593.599	969.124.056	13.914.717.655
Tài sản không phân bổ			95.456.744.123
Tổng tài sản			109.371.461.778
Nợ phải trả không phân bổ			92.090.873.667
Tổng nợ phải trả			92.090.873.667

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

8 CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nghiệp vụ và số dư chủ yếu với các bên có liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan :

Công ty liên quan	Nội dung	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Du Lịch Thương Mại Kiên Giang	Chia cổ tức	294.000.000	288.000.000

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, không còn số dư các khoản phải thu/(phải trả) giữa Công ty với các bên có liên quan.

8.2 Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lương và thưởng	<u>456.917.523</u>	<u>414.479.952</u>

8.3 Thông tin khác

Theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-13 của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 02 năm 2013 và Biên bản số 22/BB-UBND ngày 13/12/2012 của UBND thành phố Rạch Giá thì dự kiến Công ty sẽ nhận được tiền bồi thường nhà cửa vật kiến trúc, hỗ trợ di dời và hỗ trợ ổn định sản xuất với số tiền hơn 17 tỷ VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty đã nhận được 10.000.000.000 VND. Theo dự kiến, Công ty thu được phần tiền còn lại vào 6 tháng cuối năm 2014 và dùng nguồn thu này bù đắp cho giá trị còn lại của tài sản được bồi hoàn Công ty ngưng khấu hao 1.281.310.433 VND và các chi phí quan đến công di dời nhà máy với số tiền 1.098.645.131 VND.

NGUYỄN KIM BÚP
Người lập biểu

NGUYỄN KIM BÚP
Kế toán trưởng

HUYỀN CHÂU SANG
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014